

# ĐÁP ÁN NGỮ VĂN



# ✦ ✦ **mục Lục** ✦ ✦

## **A. TIẾNG VIỆT**

|                                                          |    |
|----------------------------------------------------------|----|
| <b>Bài 1:</b> Quy tắc viết hoa .....                     | 3  |
| <b>Bài 2:</b> Thành ngữ — tục ngữ .....                  | 5  |
| <b>Bài 3:</b> Từ đồng nghĩa .....                        | 7  |
| <b>Bài 4:</b> Từ đa nghĩa và nghĩa của từ đa nghĩa ..... | 8  |
| <b>Bài 5:</b> Đại từ .....                               | 11 |
| <b>Bài 6:</b> Kết từ .....                               | 13 |
| <b>Bài 7:</b> Câu đơn và câu ghép .....                  | 15 |
| <b>Bài 8:</b> Dấu gạch ngang .....                       | 18 |
| <b>Bài 9:</b> Điệp từ, điệp ngữ .....                    | 21 |
| <b>Bài 10:</b> Liên kết câu trong một đoạn văn .....     | 23 |



**TIẾNG VIỆT**



## **BÀI 1: QUY TẮC VIẾT HOA**

### **Bài tập 1:**

#### **Đáp án:**

- a. Đúng
- b. Đúng
- c. Sai, ta viết hoa chữ cái đầu của mỗi bộ phận tạo thành tên đó. Nếu bộ phận tạo thành tên gồm nhiều tiếng thì giữa các tiếng cần có gạch nối.
- d. Đúng
- e. Đúng



### Bài tập 2:

#### Đáp án:

- |             |           |                        |
|-------------|-----------|------------------------|
| a. Khổng Tử | c. Lê Lợi | e. Cách mạng Tháng Tám |
| b. Huế      | d. Pa-ri  |                        |

### Bài tập 3:

#### Đáp án:

- a. Vào ngày 2/9, chúng ta tổ chức kỷ niệm Ngày Quốc khánh Việt Nam.
- b. Bác Hồ là vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc Việt Nam.
- c. Chúng ta luôn kính trọng những danh nhân lịch sử như Nguyễn Trãi và Lê Lợi.
- d. Ngày Tết Nguyên Đán là ngày lễ quan trọng nhất trong năm của người Việt.

### Bài tập 4:

#### Đáp án:

- A. Tên người, tên địa lý nước ngoài phải viết hoa chữ cái đầu của mỗi bộ phận tạo thành tên đó.

### Bài tập 5:

#### Đáp án:

- Ngày 2 tháng 9, cả nước kỷ niệm Ngày Quốc Khánh Việt Nam.  
→ **Sai. Sửa lại:** Ngày 2 tháng 9, cả nước kỷ niệm Ngày Quốc khánh Việt Nam.
- Chủ tịch Hồ Chí Minh là vĩ nhân của dân tộc. **(Đúng)**
- Vào tháng Ba, chúng ta sẽ tổ chức lễ hội tại Hà Nội. **(Đúng)**
- Trong năm 2025, Cách Mạng Tháng Tám sẽ được tổ chức long trọng.  
→ **Sửa lại:** Trong năm 2025, Cách mạng Tháng Tám sẽ được tổ chức long trọng.

## BÀI 2: THÀNH NGỮ - TỤC NGỮ

### Bài tập 1:

#### Đáp án:

- A. Khi bạn ăn quả, hãy nhớ ơn người trồng cây.
- A. Người anh em cần giúp đỡ khi gặp khó khăn.
- B. Quan hệ giữa hai người thân thiết, khi một người gặp khó khăn, người kia cũng chịu ảnh hưởng.



### Bài tập 2:

#### Đáp án:

1. A. Thắng không kiêu, bại không nản
2. C. Gắn mực thì đen, gắn đèn thì rạng
3. B. Thất bại là mẹ thành công

### Bài tập 3:

#### Đáp án:

- |                                                |                                                   |
|------------------------------------------------|---------------------------------------------------|
| a. Con người luôn nhớ về nguồn cội, quê hương. | c. Sức mạnh tập thể lớn hơn sức mạnh cá nhân.     |
| b. Làm việc quá chậm chạp.                     | d. Chăm chỉ, kiên trì thì sẽ đạt được thành công. |

### Bài tập 4:

#### Đáp án:

- a. Uống nước nhớ nguồn
- b. Có công mài sắt, có ngày nên kim
- c. Anh em như thể chân tay, rách lành đùm bọc đỡ hay đỡ đần

### Bài tập 5:

#### Đáp án:

- a. Lá lành đùm lá rách.
- b. Thất bại là mẹ thành công
- c. Ở hiền gặp lành

## BÀI 3: TỪ ĐỒNG NGHĨA

### Bài tập 1:

#### Đáp án:

- a. Vui - Hạnh phúc (Đều mang nghĩa cảm giác tốt đẹp, vui vẻ)
- b. Sai (Tốt và xấu là từ trái nghĩa)
- c. Vui mừng - Hân hoan (Đều nói về sự vui mừng, có thể thay thế cho nhau)
- d. Sai (Sáng và tối là từ trái nghĩa)
- e. Sai (Lớn và cao không phải là từ đồng nghĩa hoàn toàn)

### Bài tập 2:

#### Đáp án:

- a. Nhai (Có nghĩa là tập trung vào hành động nhai thức ăn)

### Bài tập 3:

“Ngày hội làng diễn ra rất **náo nhiệt**, tiếng trống tiếng chiêng vang lên **rộn ràng**, người người qua lại **tấp nập**.”

#### Bài tập 4:

**Đáp án:**

a. Trắng muốt

b. Trắng tinh

c. Trắng xoá

#### Bài tập 5:

**Đáp án:**

A. Quê hương — đất nước — tổ quốc — nơi chôn rau cắt rốn

## BÀI 4: TỪ ĐA NGHĨA VÀ NGHĨA CỦA TỪ ĐA NGHĨA

#### Bài tập 1:

**Đáp án:**

a. Nghĩa gốc

b. Nghĩa chuyển

c. Nghĩa chuyển

d. Nghĩa chuyển





## Bài tập 2:

### Đáp án:

- 1 – c. Bộ phận trên cùng của cơ thể con người
- 2 – b. Vị trí trên cùng, thứ hạng cao nhất
- 3 – a. Phần trước, vị trí đầu tiên

## Bài tập 3:

### Đáp án:

- ⌘ Từ “*tay*” ở câu “*Tay mẹ dịu dàng ôm em vào lòng*” được dùng với nghĩa gốc bởi vì nghĩa của chúng trong câu là để chỉ bộ phận tay của người.
- ⌘ Các từ “*miệng, lưng, tay*” ở các câu còn lại được sử dụng với nghĩa chuyển bởi chúng không được dùng để chỉ một bộ phận nào đó của con người, mà là vì chúng có một số nét tương đồng so với nghĩa gốc.

| Nghĩa gốc                       | Nghĩa chuyển                      |
|---------------------------------|-----------------------------------|
| Tay mẹ dịu dàng ôm em vào lòng. | Miệng giếng sâu hun hút.          |
|                                 | Lưng áo em bị ướt mồ hôi.         |
|                                 | Tay áo của anh ấy bị rách.        |
|                                 | Cánh đồng nằm ở lưng đồi rất đẹp. |

#### Bài tập 4:

##### Đáp án:

- Mẹ em cho thêm một thìa đường vào cốc nước chanh.
- Sáng nào em cũng đi bộ đến trường trên con đường rợp bóng cây.
- Cô giáo nhắc chúng em kẻ đường thẳng bằng thước kẻ.



#### Bài tập 5:

**Đáp án:** b. Bé Mi ăn cơm rất ngoan và sạch sẽ.

## BÀI 5: ĐẠI TỪ

### Bài tập 1:

**Đáp án:** b. Cháu (đại từ xưng hô)

### Bài tập 2:

**Đáp án:**

- |                             |                  |
|-----------------------------|------------------|
| 1. Ngôi thứ nhất            | 4. Ngôi thứ ba   |
| 2. Ngôi thứ ba              | 5. Ngôi thứ nhất |
| 3. Ngôi thứ nhất (số nhiều) |                  |

### Bài tập 3:

**Đáp án:**

- |        |                 |        |
|--------|-----------------|--------|
| a. Ai  | d. nào          | h. ai  |
| b. đâu | e. Vì sao / Sao | i. Đâu |
| c. gì  | g. gì           |        |

#### Bài tập 4:

##### Đáp án:

1. Họ luôn giúp đỡ nhau trong học tập.
2. Đó là nơi cậu ấy thích nhất trong trường. (hoặc: “*Thư viện là nơi cậu ấy thích nhất trong trường.*”)
3. Chúng em sẽ đi chơi sau khi ăn cơm tối.
4. Nó rất chắc chắn và đẹp.
5. Nó có màu xanh và rất nhẹ.

#### Bài tập 5:

##### Đáp án:

1. Vai trò của từ “Bác”: Danh từ chỉ quan hệ gia đình – thân thuộc
2. Vai trò của từ “bác”: Đại từ xưng hô
3. Vai trò của từ “Cô”: Danh từ chỉ chức vụ – nghề nghiệp
4. Vai trò của từ “ông”: Đại từ xưng hô
5. Vai trò của từ “Thầy”: Danh từ chỉ chức vụ – nghề nghiệp
6. Vai trò của từ “Chị”: Danh từ chỉ quan hệ gia đình – thân thuộc

## BÀI 6: KẾT TỪ

### Bài tập 1:

#### Đáp án:

- a. Cặp kết từ: Mặc dù ... nhưng
- b. Cặp kết từ: Nếu ... thì
- c. Cặp kết từ: Vì ... nên

### Bài tập 2:

#### Đáp án:

Trần Hưng Đạo là vị tướng giỏi, được nhân dân yêu mến **vì** ông đã ba lần đánh thắng quân Mông - Nguyên. Ông **không chỉ** lập chiến công vang dội **mà** còn để lại nhiều bài học quý về quân sự và đạo lý.

### Bài tập 3:

#### Đáp án:

- a) Vì Lan học giỏi nên bạn luôn được cô giáo khen.



- b) Tuy Hùng không mang vở nhưng vẫn được cô cho chép bài.
- c) Mặc dù trời mưa to nhưng chúng tôi vẫn đá bóng ở sân.
- d) Mẹ nấu ăn và chị dọn bàn.

#### Bài tập 4:

##### Đáp án (câu mẫu):

- a) Nếu em học bài chăm chỉ thì em sẽ đạt điểm cao.
- b) Vì trời mưa to nên chúng em không ra sân chơi.
- c) Mặc dù hôm qua bố rất mệt nhưng bố vẫn đưa em đi học.
- d) Chẳng những Hoa hát hay mà bạn ấy còn múa giỏi.
- e) Tuy Lan còn nhỏ nhưng em đã biết giúp mẹ làm việc nhà.

#### Bài tập 5:

##### Đáp án (đoạn văn mẫu):

Hôm qua là sinh nhật em gái em. Tuy trời mưa nhưng cả gia đình em vẫn tổ chức một bữa tiệc nhỏ rất ấm cúng. Mẹ nấu những món ăn ngon, còn bố thì trang trí nhà cửa. Em

cũng phụ giúp bố mẹ và chuẩn bị quà tặng cho em gái. Vì ai cũng vui vẻ nên buổi tiệc tuy đơn giản nhưng thật đáng nhớ.

**Cặp kết từ sử dụng trong đoạn văn: Tuy ... nhưng, Vì ... nên**

## BÀI 7: CÂU ĐƠN VÀ CÂU GHÉP

### Bài tập 1:

#### Đáp án:

Câu (1): Là câu đơn (có 1 cụm chủ ngữ - vị ngữ).

Câu (2): Là câu đơn (có 1 cụm chủ ngữ - vị ngữ).

Câu (3): Là câu ghép.

Vế 1: Tôi đưa tay ra gần hơn → Chủ ngữ: Tôi; Vị ngữ: đưa tay ra gần hơn.

Vế 2: chú kiến vội vã tránh né → Chủ ngữ: chú kiến; Vị ngữ: vội vã tránh né.

Cách nối: Các vế trong câu ghép được nối với nhau trực tiếp (nối bằng dấu phẩy (,)).

## Bài tập 2:

### Đáp án:

#### Đoạn 1:

Câu (3): là câu ghép

Vế 1: Gió nhẹ thổi qua

Vế 2: chiếc lồng đèn giấy khế đựng đưa trong nắng.

Cách nối: Nối trực tiếp bằng dấu phẩy.

#### Đoạn 2:

Câu (1): là câu ghép

Vế 1: Trời chập choạng tối

Vế 2: hàng trăm chiếc đèn lồng bắt đầu sáng rực.

Cách nối: nối trực tiếp bằng dấu phẩy

Câu (3): là câu ghép

Vế 1: Dòng người đổ về ngày càng đông

Vế 2: tiếng nói cười vang khắp con phố nhỏ.

Cách nối: Nối trực tiếp bằng dấu phẩy.

## Bài tập 3:

### Đáp án:

☐ Buổi chiều, từng đàn chim bay về tổ.

☒ Trời dần tắt nắng, ánh hoàng hôn rực rỡ bao phủ khắp cánh đồng.



☑ Trời dần tắt nắng và cánh đồng trở nên yên tĩnh.

☑ Mặt trời vừa lặn, em liền rủ bạn đi dạo mát.

#### Bài tập 4:

#### Đáp án:

| STT | Câu văn                                                         | Là câu đơn hay câu ghép? | Nếu là câu ghép, hãy xác định các vế câu và cho biết các vế được nối với nhau bằng cách nào?                        |
|-----|-----------------------------------------------------------------|--------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Em bé mỉm cười rất đáng yêu.                                    | Câu đơn                  |                                                                                                                     |
| 2   | Trời nổi gió to, mây đen kéo đến kín bầu trời.                  | Câu ghép                 | Vế 1: Trời nổi gió to<br>Vế 2: mây đen kéo đến kín bầu trời<br>Các vế nối trực tiếp bằng dấu phẩy.                  |
| 3   | Cô giáo đang giảng bài còn các bạn học sinh chăm chú lắng nghe. | Câu ghép                 | Vế 1: Cô giáo đang giảng bài<br>Vế 2: các bạn học sinh chăm chú lắng nghe<br>Các vế nối với nhau bằng kết từ “còn”. |
| 4   | Đàn chim bay liệng trên cao.                                    | Câu đơn                  |                                                                                                                     |

ee

|   |                                            |          |                                                                                                      |
|---|--------------------------------------------|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 5 | Vì trời mưa nên các bạn không ra sân chơi. | Câu ghép | Vế 1: Trời mưa<br>Vế 2: các bạn không ra sân chơi<br>Các vế nối với nhau bằng cặp kết từ “Vì... nên” |
|---|--------------------------------------------|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|

### Bài tập 5:

#### Đáp án (gợi ý):

- Trời vừa hừng nắng thì lũ bướm đã bay rợp cả vườn hoa.
- Nếu em chăm học mỗi ngày thì lớp em sẽ có thêm nhiều bạn học giỏi.
- Thời tiết trở lạnh nhưng Nam vẫn cố gắng hoàn thành bài kiểm tra.
- Khi nhìn thấy bạn nhỏ đang khóc, em liền chạy đến hỏi han và an ủi bạn.

## BÀI 8: DẤU GẠCH NGANG

### Bài tập 1:

#### Đáp án:

Nhà văn Nam Cao - tác giả của truyện ngắn “Lão Hạc” - là một nhà văn hiện thực xuất sắc

của nền văn học Việt Nam.

Hướng dẫn: Dấu gạch ngang đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích thêm về nhà văn Nam Cao.

### **Bài tập 2:**

#### **Đáp án tham khảo:**

Kế hoạch buổi dã ngoại gồm các hoạt động chính sau:

- Tập trung lúc 7 giờ sáng.
- Tham quan khu di tích lịch sử.
- Ăn trưa tại công viên.
- Tham gia các trò chơi tập thể.

**Hướng dẫn:** Sử dụng dấu gạch ngang đầu dòng để liệt kê rõ ràng các nội dung của kế hoạch.

### **Bài tập 3:**

#### **Đáp án:**

Minh hỏi Hoa:

- Hoa ơi, cậu làm bài tập chưa?



Hoa đáp:

- Mình làm rồi, còn cậu thì sao?

**Hướng dẫn:** Dấu gạch ngang dùng để đánh dấu lời nói trực tiếp trong đoạn hội thoại.

#### Bài tập 4:

##### Đáp án:

Hai dấu gạch ngang trong câu đều dùng để đánh dấu bộ phận giải thích, chú thích rõ hơn về “Hà Nội”.

Bộ phận chú thích: “Thủ đô của Việt Nam”, “có lịch sử nghìn năm văn hiến”.

#### Bài tập 5:

##### Đáp án:

Câu a: Đúng, không cần sửa.

Câu b: Sai, cần sửa lại là: “Các loại trái cây em thích ăn là: xoài, cam, chuối và bưởi.” (Bỏ dấu gạch ngang không hợp lý).

Câu c: Sai, cần sửa lại là: “Bài văn hay nhất của Nam - bạn cùng lớp em - được cô giáo đọc cho cả lớp nghe.” (Thêm dấu gạch ngang sau cụm “bạn cùng lớp em”).

## BÀI 9: ĐIỆP TỪ, ĐIỆP NGỮ

### Bài tập 1:

#### Đáp án:

1. Từ lặp: mưa rơi | Loại: Điệp ngữ
2. Từ lặp: em | Loại: Điệp từ
3. Từ lặp: giữ | Loại: Điệp từ

### Bài tập 2:

Trăng sáng. Trăng sáng soi khắp cánh đồng. Trăng sáng như một tấm gương khổng lồ giữa trời. Em yêu ánh trăng. Em yêu những đêm trăng dịu dàng.

→ Các từ lặp lại:

- ☞ Trăng sáng (điệp ngữ)
- ☞ Yêu (điệp từ)

### Bài tập 3:

- a. Học, học nữa, học mãi.
- b. Gió thổi, gió thổi, gió thổi mãi. (hoặc: gió gào thét)
- c. Em yêu trường, yêu lớp, yêu thầy cô. (hoặc: “yêu bạn bè”)

### Bài tập 4:

(Câu văn mẫu)

Câu 1:

Tôi nhớ về những tháng năm học trò dưới ngôi trường tiểu học, nhớ những buổi vui chơi, nói chuyện cùng nhau, nhớ những thầy cô đã dạy mình .

Điệp từ: nhớ

Câu 2: Cuốn sổ tay ấy không chỉ ghi lại những kỷ niệm, mà còn ghi lại những ước mơ, ghi lại những khát vọng em muốn chạm tới trong tương lai.

Điệp ngữ: ghi lại

### Bài tập 3:

a – 1; b – 3; c – 2

## BÀI 10: LIÊN KẾT CÂU TRONG MỘT ĐOẠN VĂN

### Bài tập 1:

#### Đáp án:

**a.**

→ Từ lặp lại: **ông**

→ Tác dụng: Tạo liên kết giữa các câu, giúp người đọc theo dõi rõ hành động liên tục của nhân vật “ông”.

**b.**

→ Từ lặp lại: **gió**

→ Tác dụng: Nhấn mạnh hình ảnh gió là yếu tố chính tạo nên cảnh sắc, âm thanh và cảm xúc trong đoạn văn; giúp đoạn văn có nhịp điệu, liên kết mạch lạc.

**c.**

→ Từ lặp lại: **em**

→ Tác dụng: Thể hiện rõ chủ thể hành động trong từng câu, giúp mạch kể liên mạch và dễ hiểu hơn.



### Bài tập 2:

#### Đáp án:

1. Những từ ngữ được thay thế trong đoạn văn là: Loài hoa này, chúng, loài cây ấy
2. Những từ ngữ đó thay thế cho từ/cụm từ nào?
  - ✿ **Loài hoa này** thay cho **hoa sen**
  - ✿ **Chúng** thay cho **hoa sen/loài hoa này**
  - ✿ **Loài cây ấy** thay cho **hoa sen**
3. Việc thay thế từ ngữ giúp đoạn văn liên kết chặt chẽ, mạch lạc, tránh lặp từ gây nhàm chán.

### Bài tập 3:

#### Đáp án:

**Đầu tiên**, lớp em đến nhà lưu niệm để nghe giới thiệu về một nhà văn nổi tiếng. **Tiếp theo**, chúng em được chia nhóm để tham quan từng gian phòng trưng bày. **Ngoài ra**, các bạn cùng ghi chép, chụp hình và làm bài tập nhỏ theo yêu cầu. **Cuối cùng**, cả lớp tập trung lại để trao đổi, thảo luận về chuyến đi.



#### Bài tập 4:

##### Đáp án:

- |                         |                    |
|-------------------------|--------------------|
| 1. B. nên               | 6. A. nhưng        |
| 2. A. và                | 7. B. Nếu          |
| 3. C. Vì                | 8. B. sau đó       |
| 4. A. không những... mà | 9. A. càng... càng |
| 5. C. Trước hết         | 10. A. Vì... nên   |

#### Bài tập 5:

##### Đáp án:

1. Trời mưa rất to, nhưng chúng em vẫn quyết tâm trồng hết luống rau.
2. Lan học giỏi môn Toán và Lan cũng vẽ rất đẹp.
3. Cậu ấy đến lớp trễ nên cậu ấy bị ghi tên vào sổ đầu bài.
4. Chúng em đã hoàn thành bài kiểm tra đúng giờ, vì thế cô giáo khen cả lớp rất nhiều.